

Bản án số: 471/2020/HS-PT
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 179/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo **Lý Phương T**; do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lý Phương T; sinh năm 1975, tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký thường trú: 9/4A đường Q, phường Xh, quận N, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp K, Thị trấn N, huyện Ch1, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Nguyên Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi Cục Thuyện Ch, tỉnh Hậu Giang; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Phùng T1 và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 25/4/2019. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Đoàn Văn Đ – Văn phòng Luật sư Đthuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- Bị hại:

1. Lê Thanh Ch – sinh năm: 1985 (Có mặt);

Trú tại: Ấp Tr2, xã Tr3, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

2. Nguyễn Chí Hùng M – sinh năm 1958 (Có mặt);

Trú tại: Số 879, ấp L, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyễn Văn B – sinh năm 1975 (Vắng mặt);

4. Nguyễn Thanh H1 – sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Trú tại: Ấp N, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyễn Linh G – sinh năm: 1973 (Vắng mặt);

Trú tại: Số 6, ấp Tr, xã Tr1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

6. Nguyễn Đăng Kh – sinh năm: 1982; (Vắng mặt).

Thị Hiếu Th1 – sinh năm: 1987; (Vắng mặt).

Trú tại: Số 60 Ng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cục Th tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

Địa chỉ: thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Chi Cục Thhuyện Ch, tỉnh Hậu Giang;

Địa chỉ: thị trấn M, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Ch1 – Chức vụ: Chi cục trưởng Chi Cục Thhuyện Ch, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

3. Chi Cục Thhuyện Ch1, tỉnh Hậu Giang;

Địa chỉ: thị trấn Ng, huyện Ch1, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn Ng – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi Cục Thhuyện Ch, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

4. Ngân hàng N (Ngân hàng N) (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 2 đường Ph, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Hiếu Tr – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân/Khách hàng doanh nghiệp Chi nhánh Cần Thơ (Vắng mặt).

Ông Trang Văn T1 – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ Phòng Pháp chế và xử lý nợ Chi nhánh Cần Thơ (Vắng mặt).

6. Ngân hàng L;

Địa chỉ: Số 109 T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh L1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Tân Phú Thạnh Chi nhánh Hậu Giang Ngân hàng L (Vắng mặt);

7. Ngân hàng Đ (Ngân hàng Đ);

Địa chỉ: Số 35 H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T2 – Chức vụ: Cán bộ Phòng Khách hàng doanh nghiệp 2 Ngân hàng Đ Chi nhánh Tây Đô (Vắng mặt).

8. Ngân hàng V;

Địa chỉ: Số 34A-34B H, phường Ph, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Minh Ph – Chức vụ: Tổ trưởng Tổ xử lý nợ Ngân hàng V Chi nhánh Cần Thơ (Có mặt);

Ông Mai Văn H22– Chức vụ: Nhân viên Tổ xử lý nợ Ngân hàng V Chi nhánh Cần Thơ (Vắng mặt);

9. Lê Thị Ph1 – sinh năm: 1976 (Vắng mặt);

Trú tại: Ấp Tr, xã Tr1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

10. Trần Văn Ch2 – sinh năm: 1964 (Vắng mặt);

Nguyễn Thị Nh – sinh năm: 1964 (Vắng mặt);

Trú tại: ấp Tr, xã Tr1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang.

11. Nguyễn Ngọc Đ1 – sinh năm: 1947 (Vắng mặt);

Trang Ngọc H3 – sinh năm: 1946 (Vắng mặt);

Trú tại: Số 86/26 Lý Tự Trọng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

12. Nguyễn Văn U – sinh năm: 1973 (Có mặt);

Trú tại: ấp Tr A, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

13. Tạ Hoàng C – sinh năm: 1978 (Vắng mặt);

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Ph, thành phố Cần Thơ.

14. Võ Thị Duyên Tr1 – sinh năm: 1977 (Vắng mặt);

Trú tại: Số 1 Ng, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

15. Bùi Thanh B1 – sinh năm: 1958 (Vắng mặt);

Trần Thị Thu H3 – sinh năm: 1960 (Vắng mặt);

Trú tại: Số 17B/1, khu vực L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

16. Trịnh Tuyết H4 – sinh năm: 1986 (Vắng mặt);

Trú tại: Số 59/9, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Thanh Ch:

1. Luật sư Nguyễn Thế S – Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; (Vắng mặt);

2. Luật sư Nguyễn Thanh C – Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Vắng mặt);

- Người làm chứng:

1. Trần Thị Phương T (Vắng mặt);
2. Bùi Hoàng Ph1 (Vắng mặt);
3. Phạm Công S1 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Phương T nguyên là Chấp hành viên, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuyện Ch, tỉnh Hậu Giang (Quyết định bổ nhiệm số 1391/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2013 của Tổng Cục Th). Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2019, Lý Phương T đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn thu tiền thi hành án không đúng chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính của 05 cá nhân với tổng số tiền là 965.561.800 đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt số tiền 680.000.000 đồng, tiền mua tài sản bán đấu giá thi hành án của ông Lê Thanh Ch:

Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Hậu Giang ban hành các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 44/2011/QĐ-DSST ngày 27/12/2011, số 24/2012/QĐ-DSST ngày 24/7/2012, số 26/2012/QĐ-DSST ngày 16/8/2012, số 28/2013/QĐ-DSST ngày 28/02/2013 với nội dung: “*Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ch2, sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964, cư trú tại: ấp Tr, xã Tr1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang có nghĩa vụ trả nợ tiền, vàng cho bà Trần Thị T2, Nguyễn Thị B2, Nguyễn Thị N, Trần Thị Đ2, Phạm Thị Th1 và ông Trần Văn C1, Huỳnh Văn G1; 23.653.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.*”

Chi Cục Thuyện Ch đã ban hành các Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 158/QĐ-CCTHA ngày 05/4/2012, số 303, 304/QĐ-CCTHA ngày 18/6/2012, số 350/QĐ-CCTHA ngày 07/8/2012, số 140/QĐ-CCTHA ngày 29/11/2013, số 369/QĐ-CCTHA ngày 20/8/2012, số 370/QĐ-CCTHA ngày 20/8/2012 để thực hiện các quyết định trên của Tòa án nhân dân huyện Ch.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên Lý Phương T đã tiến hành kê biên thửa đất số 171, 172, 156, 157, có diện tích 18.489,8m², tờ bản đồ số 01B, tọa lạc tại ấp Tr, xã Tr1, được Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000218/QSĐĐ cho ông Trần Văn Ch2 và bà Nguyễn Thị Nh. Chấp hành viên Lý Phương T đã tiến hành thẩm định giá và đưa tài sản ra bán đấu giá theo trình tự tổng cộng 05 lần nhưng không có người đăng ký mua.

Thông qua người quen, ông Lê Thanh Ch biết được tài sản trên đang bị cưỡng chế thi hành án chưa bán được, nên đã đến Chi Cục Thuyện Ch gặp Lý Phương T để xin đăng ký mua. Đồng thời, ông Ch cũng chủ động thỏa thuận giá đất với ông Ch2, bà Nh, với giá 60.000.000 đồng/công (tổng cộng 14 công). Sau khi thỏa thuận thống nhất về giá đất với ông Ch2, bà Nh, ông Ch đã gặp T và giao tiền cho T nhiều lần, tổng cộng 680.000.000 đồng. Việc giao tiền thể hiện

qua phiếu thu: Phiếu thu theo mẫu cũ số C02-THA không còn giá trị sử dụng ngày 01/11/2018, số tiền 500.000.000 đồng và Phiếu thu C02-THA ngày 06/12/2018, số tiền 180.000.000 đồng do ông Ch nộp cho T tại nhà riêng của ông Ch. Do đã nộp tiền mua đất cho T nhưng không được bàn giao đất nên ngày 22/02/2019, ông Ch đã làm đơn tố cáo T chiếm đoạt số tiền trên.

Lý Phương T khai nhận: Sau khi thu tiền của ông Ch, T không nộp tiền vào quỹ Cơ quan thi hành án theo quy định, mà để sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, việc Lý Phương T sử dụng phiếu thu theo mẫu cũ số C02-THA ban hành theo Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 để thu tiền trên là sai quy định, mặt khác phiếu thu không có chữ ký của Kế toán trưởng và Thủ quỹ cơ quan (Trong trường hợp này việc thu tiền phải thực hiện theo mẫu C28-THA, quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016). Việc thu tiền trên của T vi phạm Điều 15, khoản 1, 2 Điều 16 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt số tiền 256.241.800 đồng của ông Nguyễn Chí Hùng M trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ1 và bà Trang Ngọc H3:

Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2017/DSPT ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có nội dung: “*Buộc ông Nguyễn Chí Hùng M, sinh năm 1958, địa chỉ 879, ấp L, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang phải trả 268.953.800 đồng tiền mua đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đ1 và bà Trang Ngọc H3, cư ngụ: Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ*”. Chi Cục Thuyên Ch đã ban hành các Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 419/QĐ-CCTHA ngày 06/4/2018 để thực hiện Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2017/DSPT ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Quá trình thi hành án, ngày 10/01/2018 ông Nguyễn Chí Hùng M đến Chi Cục Thuyên Ch nộp đơn yêu cầu thi hành án thì gặp Lý Phương T, T giới thiệu là Chi Cục trưởng và là người thụ lý giải quyết hồ sơ thi hành án trên. Đồng thời yêu cầu ông M nộp 11.625.000 đồng tiền án phí nhưng không viết biên lai thu tiền với lý do chưa có biên lai. Tiếp đó, ngày 22/01/2018 T đến nhà ông M thu số tiền 150.000.000 đồng (Theo biên lai số 0006858); ngày 01/3/2018 thu số tiền 94.618.600 đồng (Theo biên lai số 0003155). Đến ngày 10/3/2018, T đến nhà ông M viện lý do mượn lại hai biên lai thu tiền nói trên để lưu hồ sơ, ông M đã giao hai biên lai thu tiền trên cho T và T làm một biên nhận có thu tiền thi hành án của ông M với số tiền là 244.616.800 đồng. Tổng cộng T đã thu của ông M số tiền 256.241.800 đồng.

Ngày 16/3/2018, ông Đ, bà H đã tự nguyện giao cho ông M đất và cây trồng, ông M đi làm thủ tục sang tên đất nhưng không được do hồ sơ không thể hiện có biên lai thu tiền và biết được việc T đã chiếm đoạt số tiền trên nên ông M đã làm đơn tố cáo T.

Lý Phương T khai nhận: Số tiền thu của ông M, T không nộp tiền vào quỹ cơ quan để trả tiền thi hành án cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đ1, bà Trang Ngọc H3 và cũng không nộp tiền án phí vào ngân sách Nhà nước, mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết. T đã thu lại hai biên lai thu tiền từ ông M, rồi gạch chéo xóa biên lai (có nghĩa là số biên lai này chưa thu tiền của đương sự và xóa bỏ), sau đó giao lại cho kế toán, để hủy biên lai báo cáo thuế và T viết tay tờ biên nhận có thu tiền thi hành án của ông M với số tiền là 244.616.800 đồng đưa cho ông M để làm tin.

Theo xác nhận số 41/CCTHADS ngày 29/10/2019 của Chi Cục Thuyên Ch, Biên lai thu tiền theo đơn yêu cầu, quyền số 138/AA/2013 do T trực tiếp quản lý và sử dụng ghi trên Biên lai số 0006856 với số tiền 150.000.000 đồng. Biên lai này T đã gạch chéo xóa biên lai và thu hồi đầy đủ 04 liên về tại cuốn biên lai; tương tự Biên lai thu tiền số 000003135 với số tiền 94.616.800 đồng (Quyền số 064/AA/2013) T cũng đã gạch chéo xóa biên lai và thu hồi 04 liên đầy đủ tại cuốn biên lai để thể hiện số biên lai này chưa thu tiền của đương sự và báo xóa.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn B trả nợ Ngân hàng K:

Ngày 2/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Ch đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2016/QĐST-KDTM có nội dung: “*Buộc ông Nguyễn Văn B,1, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang phải trả 455.627.083 đồng cho Ngân hàng K...*”.

Chi Cục Thuyên Ch đã Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 234/QĐ-CCTHADS ngày 02/3/2017 để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2016/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân huyện Ch.

Quá trình thi hành án, ngày 03/8/2018 ông Nguyễn Văn B đến Chi Cục Thuyên Ch nộp tiền thi hành án với số tiền 20.000.000 đồng. T thu tiền nhưng không viết biên lai thu tiền theo quy định và lấy lý do cơ quan chưa được cấp biên lai nên tạm thời T viết vào Thư mời số 152/TM-THADS đưa cho ông B và hẹn ông B ngày 06/8/2018 đến nhận biên lai mới. Tuy nhiên, sau đó T không thực hiện viết lại biên lai như đã hẹn với ông B. T khai nhận không nộp tiền vào quỹ cơ quan số tiền trên để chi trả cho Ngân hàng K Chi nhánh Châu Thành A, mà sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Số tiền chiếm đoạt 20.000.000 đồng, người bào chữa cho bị cáo Lý Phương T đã nộp lại cho Chi Cục Thuyên Ch để thi hành án cho ông Nguyễn Văn B (Biên lai thu tiền số 0001739, quyền số 0035 ngày 29/10/2019). Ông Nguyễn Văn B xác nhận đã nhận lại đủ số tiền 20.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vụ thứ tư: Chiếm đoạt 2.240.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Linh G:

Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 218/QĐ ngày 14/12/2017 của Chi Cục Thuyện Ch, có nội dung: “...ông Nguyễn Linh G cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 04/01/2001, mỗi tháng 270.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 cho bà Lê Thị Ph1”. Chấp hành viên Trần Thị Phương T được phân công tổ chức thi hành quyết định này.

Quá trình tổ chức thi hành án, trong tháng 4/2018 và tháng 7/2018 ông Nguyễn Linh G đã đến Chi Cục Thuyện Ch nộp tiền cấp dưỡng cho Lý Phương T, T thu tiền cấp dưỡng 02 lần với tổng số tiền 2.240.000 đồng (Lần thứ nhất vào tháng 4/2018, thu số tiền 1.000.000 đồng; lần thứ hai tháng 7/2018, thu số tiền 1.240.000 đồng). T khai nhận thu tiền nhưng không viết biên lai, không giao lại cho Chấp hành viên Trần Thị Phương T và đã tiêu xài hết.

Về số tiền chiếm đoạt 2.240.000 đồng, người bào chữa cho bị cáo Lý Phương T đã nộp lại cho Chi Cục Thuyện Ch để thi hành án cho ông Nguyễn Linh G (Biên lai thu tiền số 0001739, quyển số 0035 ngày 29/10/2019). Ông Nguyễn Linh G xác nhận đã nhận lại đủ số tiền 2.240.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vụ thứ năm: Chiếm đoạt tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, số tiền 7.080.000 đồng:

Quyết định thi hành án số 227/QĐ-CCTHA ngày 02/3/2017 của Chi Cục Thuyện Ch, có nội dung: “Buộc ông Phạm Công S1, sinh năm 1968, bà Trương Thị Hồng Th2, sinh năm 1968, cư trú tại ấp Th, thị trấn B, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1982 và bà Thị Hiếu Th1, sinh năm 1987, cư trú tại ấp 1, xã Th, huyện C, Tp.Cần Thơ số tiền 310.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ”.

Quá trình thi hành án, ngày 25/6/2018 ông Nguyễn Đăng Kh đến Chi Cục Thuyện Ch gặp Lý Phương T nộp tạm ứng số tiền 11.080.000 đồng để kê biên tài sản của bà Trương Thị Hồng Th2 và ông Phạm Công S1. T không lập biên lai thu tiền theo mẫu quy định mà lập biên bản về việc giải quyết thi hành án để thu số tiền 11.080.000 đồng. Sau đó, đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/02/2019, bà Thị Hiếu Th1 là vợ của ông Nguyễn Đăng Kh đến Chi Cục Thuyện Ch yêu cầu hoàn trả số tiền tạm ứng trên do vụ việc đã giải quyết xong.

Quá trình điều tra xác định được, T có chi 1.000.000 đồng tiền cho những người tham gia cưỡng chế kê biên tài sản theo bảng kê ngày 05/7/2018 và 3.000.000 đồng vợ chồng ông Kh tự nguyện nhờ T đưa hỗ trợ cho ông S1. T thừa nhận chiếm đoạt số tiền còn lại là 7.080.000 đồng.

Về số tiền chiếm đoạt 7.080.000 đồng, người bào chữa cho bị cáo Lý Phương T đã nộp lại cho Chi Cục Thuyện Ch để trả lại cho ông Nguyễn Đăng Kh và bà Thị Hiếu Th1 (Biên lai thu tiền số 0001739, quyển số 0035 ngày 29/10/2019). Ông Nguyễn Đăng Kh và bà Thị Hiếu Th1 xác nhận đã nhận lại đủ số tiền 7.080.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Lý Phương T chiếm đoạt của các cá nhân nêu trên là 965.561.800 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTC-V6 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Lý Phương T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 355; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Lý Phương T phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lý Phương T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 4 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lý Phương T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lê Thanh Ch với số tiền 780.459.800 (bảy trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm) đồng (trong đó bao gồm 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng tiền chiếm đoạt và 100.459.800 (một trăm triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm) đồng tiền thiệt hại phát sinh) và bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Chí Hùng M với số tiền 256.241.800 (hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, bị cáo Lý Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, bị hại ông Nguyễn Văn U kháng cáo cho rằng Lý Phương T đã dùng dấu của cơ quan để đóng vào giấy nợ và yêu cầu bị cáo T phải trả cho ông U 50.000.000đ và bà Duyên Trâm 200.000.000đ.

Ngày 11/5/2020, bị hại ông Lê Thanh Ch kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo T phải trả khoản tiền 780.459.800đ cho ông Ch mà yêu cầu Chi Cục Thuyện Ch phải trả khoản tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo vì hoàn cảnh khó khăn nên mới có hành vi sai trái như bản án sơ thẩm nêu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có thân nhân tốt, phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; đã khắc phục một phần thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS quyết định mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo trình bày: Có hai loại biên lai thu tiền thi hành án. Một là Biên lai theo mẫu của Tổng cục Thi hành án thì đơn vị tự in theo mẫu và sử dụng để thu tiền thi hành án. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan vẫn sử dụng loại biên lai này. Bị cáo thu 680.000.000 đồng là biên lai này. Hai là Biên lai do Bộ Tài chính in phát cho cơ quan thì Giao cho các chấp hành viên để thu tiền thi hành án. Theo quy định khi thu được tiền được của người phải thi hành án thì Chấp hành viên tối thiểu 1 ngày, tối đa 3 ngày phải nộp vào quỹ cơ quan. Bị cáo thu được tiền nhưng không nộp vào quỹ cơ quan là sai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ông Lê Thanh Ch trình bày: Việc bị cáo T thu tiền của ông Ch trong vụ án này là trên cương vị của người thi hành công vụ nên được coi là Cơ quan Thi hành án thu tiền của ông Ch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bị cáo T phải trả khoản tiền 780.459.800đ cho ông Ch là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm buộc Chi Cục Thuyện Ch phải trả khoản tiền này cho ông Ch.

Ông Nguyễn Văn U trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải trả cho ông U 50.000.000đ và bà Duyên Tr1 200.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xét xử bị cáo với mức án 13 năm tù là đã có phần chiếu cố cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo đã lợi dụng chức vụ để thực hiện hành vi phạm tội thu tiền của các bị hại không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Cơ quan Thi hành án không có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại. Đối với yêu cầu của ông U thì đây là giao dịch dân sự nên ông U có thể khởi kiện bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo và những người kháng cáo khác đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Lý Phương T thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng và bản án sơ thẩm, từ đó đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2019, bị cáo Lý Phương T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục Thuyên Ch, tỉnh Hậu Giang để thu tiền trong hoạt động thi hành án không đúng quy định tại Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác thi hành án dân sự; Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự; Quyết định số 1527/QĐ-TCTHADS ngày 24/12/2013 của Tổng Cục Th hướng dẫn cấp phát, quản lý sử dụng biên lai thu tiền thi hành án. Cụ thể, hành vi của bị cáo thu tiền qua biên lai, biên bản làm việc, giấy mời, giấy biên nhận, giấy tạm ứng của 05 cá nhân với tổng số tiền là 965.561.800 đồng và sau khi thu tiền bị cáo không nộp vào quỹ thi hành án theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

[2.2] Bị cáo T là Chi cục trưởng chi Chi cục trưởng Chi cục Thuyên Ch và cũng là Chấp hành viên thì bị cáo phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định tại các Điều 20, 21, 23 Luật Thi hành án dân sự. Như vậy, bị cáo là người có quyền phân công nhiệm vụ cho các chấp hành viên hoặc tự mình với tư cách là Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ Thi hành án đối với các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết việc Thi hành án, Chi Cục Thuyên Ch đã ban hành các quyết định thi hành án để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 44/2011/QĐ-DSST ngày 27/12/2011, số 24/2012/QĐ-DSST ngày 24/7/2012, số 26/2012/QĐ-DSST ngày 16/8/2012, số 28/2013/QĐ-DSST ngày 28/02/2013; Bản án dân sự phúc thẩm số 185/2017/DSPT ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2016/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang...

Theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác thi hành án dân sự:

“ Trách nhiệm của Chấp hành viên:

1. Phải thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc, chế độ, thủ tục và các nghiệp vụ kế toán tài chính trong hoạt động thu, chi, nhập, xuất tiền và tài sản thi hành án. Lập và cung cấp đầy đủ, kịp thời những chứng từ kế toán quy định trong Thông tư này và toàn bộ các tài liệu liên quan đến việc thu, chi, xử lý tiền, tài sản trong quá trình thi hành án với người được thi hành án, người phải thi hành án và các đối tượng khác có liên quan cho kế toán và chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực, hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ, tài liệu liên quan đó; số liệu ghi trên chứng từ chuyển cho kế toán ghi sổ là căn cứ pháp lý để Chấp hành viên lập báo cáo thống kê kết quả thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản tiền, tài sản thu được của từng quyết định thi hành án vào quỹ hay nộp Kho bạc hoặc kho cơ quan; yêu cầu kế toán thực hiện chi trả cho những đối tượng được thi hành án theo đúng quy định của pháp luật và phải kịp thời đề xuất biện pháp xử lý các khoản tiền, tài sản tồn đọng theo quy định của pháp luật trước Thủ trưởng đơn vị.”

Thực tế sau khi ban hành các quyết định thi hành án, bị cáo T đã tiến hành các hành vi thu tiền của 05 cá nhân với tổng số tiền là 965.561.800 đồng, họ là những người phải thi hành án, người được quyền mua tài sản đang bị cưỡng chế của người bị thi hành án, người có nghĩa vụ nộp các khoản lệ phí, án phí... Những người này họ nộp tiền theo quyết định thi hành án, nộp tại trụ sở của Chi cục Thi hành án và có biên lai thu tiền. Có những khoản nộp ngoài trụ sở cơ quan thi hành án, nhưng đều do bị cáo thu vì bị cáo đang là người thực hiện nhiệm vụ công vụ thi hành án những khoản tiền này nên các bị hại mới nộp tiền cho bị cáo. Do đó, các khoản tiền của các bị hại nộp cho bị cáo nêu trên phải được coi là họ nộp cho Chi Cục Thuyện Ch chứ không phải nộp cho cá nhân bị cáo T.

Lẽ ra, bị cáo phải nộp đầy đủ, kịp thời các khoản tiền, tài sản thu được của từng quyết định thi hành án... vào quỹ cơ quan hay nộp cho Kho bạc Nhà nước theo quy định, nhưng bị cáo lại lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình giữ lại để chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, đủ cơ sở xác định hành vi nêu trên của bị cáo T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của cơ quan, đơn vị do người phạm tội quản lý. Hành vi chiếm đoạt liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của bị cáo. Hành vi này đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cụ thể là của Chi Cục Thuyện Ch và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan này được pháp luật bảo vệ. Do đó hành vi của bị cáo có dấu hiệu cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo cấu thành tội phạm “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 355 của

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh Ch: ông Ch cho rằng khi giao tiền cho bị cáo T thì ý chí của ông là giao cho Chi Cục Thuyện Ch, chứ không phải giao cho bị cáo T, nên ông Ch yêu cầu Chi Cục Thuyện Ch phải trả tiền cho ông Ch. Như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ch vì nếu hành vi của bị cáo T có dấu hiệu cấu thành tội “Tham ô tài sản” thì số tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này được coi là chiếm đoạt của Chi cục Thi hành án huyện Ch chứ không phải chiếm đoạt của các bị hại. Do đó, Chi cục Thi hành án huyện Ch phải có trách nhiệm đối với thiệt hại của các bị hại.

[2.4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn U: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo viết biên nhận nợ đối với khoản nợ và trong biên nhận có sử dụng dấu của Chi cục Thi hành án huyện Ch để đóng vào biên nhận. Do đó, Chi cục Thi hành án huyện Ch cũng liên quan đến việc này. Ngoài ra, cần phải làm rõ hành vi này của bị cáo xem có dấu hiệu của tội phạm hay không để giải quyết luôn trong cùng một vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hành vi này của bị cáo là thiếu sót.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, do có căn cứ cho rằng hành vi của bị cáo có dấu hiệu cấu thành về một tội khác nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm và có thiếu sót trong việc không giải quyết hành vi của bị cáo đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn U. Do đó, Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bị cáo và những người khác kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Thanh Ch, ông Nguyễn Văn U và kháng cáo của bị cáo Lý Phương T; Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lý Phương T cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý lại vụ án.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo và những người khác kháng cáo không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lê Thanh Ch 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003343 ngày 13 tháng 5 năm 2020 và ông Nguyễn Văn U 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003346 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Cục Th tỉnh Hậu Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- TTG Công tỉnh Hậu Giang;
- Để t/đ cho bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh